

Bản án số: 41/2023/HS-ST

Ngày: 24 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Bội Khánh

2. Bà Đỗ Phương Diệp

3. Bà Mạc Thị Khánh Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: - Ông Lê Hùng Vỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M; tên gọi khác: Không, sinh năm 1985 tại tỉnh Thái Nguyên ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm S, xã K, huyện P tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và con bà: Nguyễn Thị M1; có vợ: Lê Thị T (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 14/HSST ngày 12/5/2004 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản án số 35/HSST ngày 31/5/2011 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử: Luật sư Hoàng Thị H, Văn phòng L - thuộc Đoàn luật sư tỉnh T - Có mặt.

Người bị hại:

1. Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1987. (Có mặt)

Trú tại: Ấp Hòa Khánh, xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở: Xóm Tân Thành, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1990. (Có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;

3. Chị Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho chị N, chị T1: Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1987. Trú tại: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

**** Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

3. Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm 1986 (Có mặt)

Trú tại: Xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

4. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

5. Anh Nguyễn Nhật H1, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

6. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi ở: Số E L, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M không có việc làm, để có tiền chi tiêu cho cá nhân M đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thông qua việc đầu tư đường vành đai 5 qua huyện P, khu dân cư xã K, huyện P và nhận đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5/2022, M quen biết chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; tạm trú tại xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. M đưa ra thông tin gian dối về việc M đang cần tiền đầu tư vào dự án đường vành đai 5 đi qua huyện P, dự án khu dân cư tại xã K, huyện P,

nếu chị P cho M vay tiền đầu tư vào dự án, M sẽ trả lãi cho chị P. Cũng trong khoảng thời gian này, M nói với chị P đã từng mở công ty xuất khẩu lao động đưa người sang Hàn Quốc, sau đó do ảnh hưởng của dịch C nên đã đóng cửa công ty.

Đến khoảng tháng 6/2022, M nhiều lần sử dụng điện thoại di động các số 0982.502.742; 0815.651.911 đăng ký trên ứng dụng Zalo với tài khoản “Kim Jun W” và đăng tải trên trang cá nhân của M các nội dung như sau: “Ai có nhu cầu về công việc từ nông sản, công nghiệp, lao động tự do, các ngành nghề, dành cho các lứa tuổi từ 20 đến 55 tuổi tại Hàn Quốc”, “Cần 8 nữ độ tuổi từ 20 đến 45, công việc chế biến thực phẩm làm việc tại B Hàn Quốc, mức lương từ 2,8 đến 3 triệu Won; chưa tính làm thêm, đã bao gồm ăn ở và bảo hiểm”, “Duy nhất 1 vị trí quản lý lao động trong khu vực người Việt tại thành phố S, không yêu cầu bằng cấp, độ tuổi từ 25 đến 45, mức lương cơ bản 5 triệu Won, hợp đồng từ 5 đến 10 năm, được đào tạo học thêm tiếng và quy trình làm việc, không qua môi giới, không cắt xén lương, thời gian xuất cảnh trong 75 ngày, ai có nhu cầu ib cho mình”, “Chúc 176 bạn thượng lộ bình an, hẹn gặp lại các bạn sáng thứ 4 tại Hàn Quốc”. Sau đó chị P được M cho biết về việc quen biết nhiều người Hàn Quốc và có khả năng đưa được người sang Hàn Quốc làm việc, cụ thể: Làm việc tại Hàn Quốc với thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm, mức lương là từ 58 đến 62 triệu đồng/01 tháng, mức phí làm thủ tục dao động từ 75.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng, tùy theo thời hạn lao động ngắn hay dài hạn và bảo chị P biết ai có nhu cầu thì giới thiệu cho M. Chị P tin tưởng những gì M nói là thật nên đã chia sẻ bài viết của M trên mạng xã hội, qua ứng dụng Zalo với tài khoản “Phượng TNG”, bằng điện thoại di động sử dụng số 0963.262.153; sau đó giới thiệu những người thân có nhu cầu đi làm việc tại Hàn Quốc cho M, để M trực tiếp tư vấn và hướng dẫn làm thủ tục.

Khoảng cuối tháng 6/2022, chị Nguyễn Thị H2 sinh năm 1986, trú tại số E L, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (là bạn của chị P) đã giới thiệu anh Phạm Văn K sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (là em rể của chị H2) cho M; M đồng ý yêu cầu anh K phải nộp số tiền 280.000.000 đồng cho hợp đồng lao động 03 năm và phải nộp trước 180.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 7/2022, chị Võ Thị Mỹ N sinh năm 1997 và mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị T1 sinh năm 1975, cùng trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (là người họ hàng của chị P); do là người thân của chị P, M yêu cầu chị N phải nộp số tiền 180.000.000 đồng cho hợp đồng lao động 03 năm và phải nộp trước 100.000.000 đồng; chị T1 phải nộp số tiền 75.000.000 đồng cho hợp đồng lao động 01 năm và phải nộp trước 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại của anh K, chị N và chị T1 sẽ được trừ dần theo từng tháng trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc. Sau khi được M trao đổi, tư vấn thì anh K, chị N và chị T1 tin tưởng và đã chuyển tiền cho M để làm thủ tục hồ sơ theo yêu cầu của M.

Ngày 26/9/2022, M thông báo cho anh K, chị T1 và chị N là đến ngày 15/10/2022 sẽ bay sang Hàn Quốc làm việc và yêu cầu anh K, chị T1 và chị N có mặt tại sân bay N. Sau đó anh K, chị T1 và chị N đến nhà M để chờ M đưa sang Hàn Quốc. Lúc này, để tiếp tục trì hoãn việc đưa anh K, chị T1 và chị N sang Hàn Quốc, M lấy nhiều lý do như: Do những người trong lịch bay sang Hàn Quốc bị mắc Covid; bên Hàn Quốc báo hoãn lịch bay; anh K thiếu giấy tờ; chờ bên Hàn Quốc duyệt hoàn trả tiền lệ phí; trục trặc giấy tờ bên hải quan.... do tin tưởng vào hứa hẹn của M nên anh K, chị N, chị T1 và chị P đã chuyển tiền cho M nhiều lần. Cụ thể M đã chiếm đoạt của anh K, chị N, chị T1 và chị P như sau:

* Đối với anh Phạm Văn K:

Ngày 10/7/2022, nộp cho M tiền phí làm thủ tục với số tiền là: 180.000.000 đồng; trong đó chuyển qua tài khoản của chị P là: 88.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho M số tiền: 92.000.000 đồng.

Ngày 28/9/2022, nộp cho M tiền khám sức khỏe với số tiền: 5.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P.

Ngày 11/10/2022, nộp cho M tiền bồi dưỡng cho đối tác với số tiền: 6.300.000 đồng, chuyển qua tài khoản của anh Nguyễn Văn T2 sinh năm 1982, trú tại xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là lái xe).

Ngày 17/10/2022, nộp cho M tiền bồi dưỡng cho đối tác với số tiền: 10.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P.

Ngày 24/10/2022, nộp trực tiếp cho M tiền phạt do thiếu giấy tờ với số tiền: 10.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2022, nộp trực tiếp cho M tiền bồi dưỡng cho đối tác với số tiền: 7.000.000 đồng.

Ngày 04/11/2022, nộp cho M tiền làm thủ tục xuất cảnh với số tiền: 10.000.000 đồng, thông qua anh T2 (số tiền anh K chuyển qua tài khoản và đưa trực tiếp cho chị P, anh T2; sau đó chị P, anh T2 đã rút và chuyển trực tiếp cho M). Tổng số tiền M chiếm đoạt của anh K là: **228.300.000** đồng.

* Đối với các chị Nguyễn Thị T1, Võ Thị Mỹ N:

Ngày 04/7/2022, chị N nộp cho M tiền phí làm thủ tục với số tiền là: 50.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P.

Ngày 08/7/2022, chị T1 nộp cho M tiền phí làm thủ tục với số tiền là: 50.000.000 đồng; trong đó chuyển qua tài khoản của chị P: 30.000.000 đồng, chị P cho chị T1 vay: 20.000.000 đồng.

Ngày 11/7/2022, chị N nộp cho M tiền phí làm thủ tục với số tiền là: 50.000.000 đồng; trong đó chuyển qua tài khoản của chị P: 30.000.000 đồng, chị P cho chị N vay: 20.000.000 đồng.

Ngày 24/9/2022, chị T1, chị N nộp cho M tiền khám sức khỏe với số tiền: 20.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P.

Ngày 11/10/2022, chị T1, chị N nộp cho M tiền thu nhập cá nhân với số tiền: 12.600.000 đồng, chuyển qua tài khoản của anh T2.

Ngày 16/10/2022, chị T1, chị N nộp cho M tiền bồi dưỡng đối tác với số tiền: 5.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P.

Ngày 17/10/2022, chị T1, chị N nộp cho M tiền bồi dưỡng đối tác với số tiền: 15.000.000 đồng, chuyển qua tài khoản của chị P (số tiền chị T1, chị N chuyển qua tài khoản và đưa trực tiếp cho chị P, anh T2; sau đó chị P, anh T2 đã rút và chuyển trực tiếp cho M). Tổng số tiền M chiếm đoạt của chị T1, chị N là: 202.600.000 đồng (trong đó của chị T1 76.300.000đ và chị N 126.300.000đ).

* Đối với chị Lê Thị Bích P:

M đưa ra thông tin gian dối về việc M đang cần tiền đầu tư vào dự án đường vành đai 5 đi qua huyện P, tỉnh Thái Nguyên dự án khu dân cư tại xã K, huyện P, nếu chị P cho M vay tiền đầu tư vào dự án, M sẽ trả lãi cho chị P; chị P tin tưởng những gì M nói là thật nên đã chuyển trực tiếp tiền cho M, cụ thể như sau:

Ngày 01/6/2022, số tiền: 50.000.000 đồng; ngày 02/6/2022, số tiền: 50.000.000 đồng; (ngày 10/7/2022, M trả lãi cho chị P số tiền: 3.000.000 đồng, mục đích tạo lòng tin để chị P tiếp tục chuyển tiền cho M). Do tin tưởng M, chị P tiếp tục chuyển trực tiếp tiền cho M, cụ thể như sau:

Ngày 27/6/2022, số tiền: 50.000.000 đồng; ngày 01/8/2022, số tiền: 30.000.000 đồng; ngày 06/8/2022, số tiền: 60.000.000 đồng; ngày 19/9/2022, số tiền: 7.500.000 đồng; Ngày 02/10/2022, số tiền: 54.000.000 đồng.

Tổng số tiền M chiếm đoạt của chị P thông qua đầu tư các dự án là: 301.500.000 đồng.

- Ngoài ra, M lấy nhiều lý do như “những người trong lịch bay sang Hàn Quốc bị mắc Covid, bên Hàn Quốc báo hoãn lịch bay, K thiếu giấy tờ, chờ bên Hàn Quốc duyệt hoàn trả tiền lệ phí, trục trặc giấy tờ bên hải quan....” để trì hoãn việc đưa anh K, chị T1 và chị N xuất cảnh sang Hàn Quốc. Do tin tưởng và muốn người nhà được xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc nên chị P đã chuyển tiền cho M, cụ thể:

Ngày 07/10/2022, đưa trực tiếp số tiền: 15.000.000 đồng; ngày 15/10/2022, đưa trực tiếp số tiền: 15.000.000 đồng; ngày 21/10/2022, chị P chuyển qua tài khoản cho Nguyễn Quang T3 sinh năm 1986, trú tại xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là em họ của M) số tiền: 15.000.000 đồng; ngày 22/10/2022, đưa trực tiếp số tiền: 5.000.000 đồng; ngày 29/10/2022, đưa trực tiếp số tiền: 7.000.000 đồng; ngày 31/10/2022, chị P chuyển qua tài khoản cho anh K số tiền: 14.000.000 đồng; ngày 03/11/2022, đưa trực tiếp số tiền: 8.000.000 đồng (số tiền chị P chuyển

qua tài khoản cho anh T3, anh K, sau đó anh T3, anh K đã rút và chuyển trực tiếp cho M).

Tổng số tiền M chiếm đoạt của chị P thông qua việc nhận đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là: 79.000.000 đồng. Tổng số tiền M chiếm đoạt của chị P là: $301.500.000 + 79.000.000 = 380.500.000$ đồng. Chị P đề nghị M phải bồi thường số tiền là: $380.500.000 - 3.000.000 = 377.500.000$ đồng.

- Ngày 22/11/2022, M đã thừa nhận hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với anh K, chị T1, chị N và chị P nên cùng ngày, anh K, chị T1, chị N và chị P đã có đơn trình báo đến cơ quan Công an và giao nộp: 01 Giấy vay nợ đề ngày 22/11/2022, ghi nội dung “Nguyễn Văn M xác nhận còn nợ của Lê Thị Bích P”. 01 Bản cam kết đề ngày 10/7/2022, ghi nội dung “Phạm Văn K và Nguyễn Văn M xác nhận K đã nộp cho M tổng số tiền xin đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là 180.000.000 đồng”.

Ngày 26/11/2022, khám xét nơi ở của Nguyễn Văn M tại xóm S, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tạm giữ: 03 tờ biên lai rút tiền đề ngày 26/8/2022 đối với tài khoản số 3981200000827 mở tại ngân hàng B, ghi tổng số tiền là 12.000.000 đồng là giấy rút tiền của Lê Thị Bích P.

Tại bản kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận về tài liệu cần giám định ký hiệu A (Bản cam kết đề ngày 10/7/2022 số tiền 180.000.000 đồng): Chữ ký “Mạnh”, chữ viết dưới chữ ký mang tên “Nguyễn Văn M” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn M trên các mẫu so sánh, ký hiệu: M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên “Phạm Văn K” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Văn K trên mẫu so sánh, ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên “Lê Thị Bích P” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Bích P trên mẫu so sánh, ký hiệu M4 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 414/KL-KTHS ngày 22/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Đối với tài liệu cần giám định ký hiệu A (Bản cam kết đề ngày 10/7/2022 số tiền 180.000.000 đồng): Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Nguyễn Thị H2 sinh năm 1986; trú tại phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh trên mẫu so sánh, ký hiệu M5 là do cùng một người viết ra.

- Đối với tài liệu cần giám định ký hiệu B (Giấy vay nợ đề ngày 22/11/2022): Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Văn M” trên tài liệu cần giám định ký hiệu B so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn M trên mẫu so sánh, ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên “Lê Thị Bích P” trên tài liệu cần giám định ký hiệu B so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Bích P trên mẫu so sánh, ký hiệu M4 là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn K yêu cầu Nguyễn Văn M phải bồi thường số tiền: 228.300.000 đồng. Các chị Nguyễn Thị T1, Võ Thị Mỹ N yêu cầu Nguyễn Văn M phải bồi thường số tiền: 202.600.000 đồng (trong đó chị T1 76.300.000đ, chị N 126.300.000 đồng). Chị Lê Thị Bích P yêu cầu Nguyễn Văn M phải bồi thường số tiền: 380.500.000đ - 3.000.000đ = 377.500.000 đồng. Hiện Nguyễn Văn M chưa thực hiện việc bồi thường.

Vật chứng gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu S A11, lắp 01 sim mạng Viettel và 01 sim mạng Vinaphone tạm giữ của Nguyễn Văn M, niêm phong theo quy định. 01 bộ quần áo dài tạm giữ của Nguyễn Văn M mặc khi nhận tiền của anh K ngày 10/7/2022, niêm phong bì ký hiệu Q.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS-P2 ngày 23/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại bị cáo sẽ có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Bích P là bị hại đồng thời là người được các bị hại là chị N, chị T1 ủy quyền yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị P là 377.500.000 đồng, chị T1 là 76.300.000 đồng và chị N là 126.300.000 đồng. Anh K yêu cầu bị cáo bồi thường 228.300.000 đồng, Về trách nhiệm hình sự chị P, anh K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong lời luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn M có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại gồm: anh Phạm Văn K 228.300.000 đồng, chị Nguyễn Thị T1 và Võ Thị Mỹ N 202.600.000 đồng, chị Lê Thị Bích P 377.500.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 808.400.000 đồng

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, khung, khoản và điều luật áp dụng mà cáo trạng của VKS đã truy tố và kết luận. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của 4 người bị hại nhiều lần với tổng số tiền 808.400.000 đồng. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là phạm tội 2 lần trở lên, được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 13 – 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư, không bổ sung gì.

Các bị hại, không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng . Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng : Tại phiên tòa hôm nay , bị hại Võ Thị Mỹ N và Nguyễn Thị T1 vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị hại có mặt, một số người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng không oan. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan , phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh T và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do không có việc làm, để có tiền chi tiêu cho cá nhân, Nguyễn Văn M đã đưa ra các thông tin gian dối về việc M đầu tư vào dự án tại đường vành đai 5 đi qua huyện P, tỉnh Thái Nguyên - khu dân cư xã K, huyện P và nhận đưa người đi xuất khẩu lao

động tại Hàn Quốc. Do tin tưởng từ ngày 01/6/2022 đến ngày 04/11/2022 anh Phạm Văn K, chị Nguyễn Thị T1, chị Võ Thị Mỹ N và chị Lê Thị Bích P đã nhiều lần chuyển tiền cho M với tổng số tiền 811.400.000 đồng (trong đó anh Phạm Văn K 228.300.000 đồng, chị Nguyễn Thị T1 76.300.000đ, chị Võ Thị Mỹ N 126.300.000 đồng, chị Lê Thị Bích P 380.500.000 đồng). Sau khi nhận được tiền M đã sử dụng chi tiêu cho cá nhân.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 174 BLHS quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000đồng trở lên.

[3]. Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc, bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã có 02 bản án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Đánh bạc” tuy đã được xóa án tích nhưng được xác định có nhân thân xấu; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của chị P là 380.500.000đồng, nhưng bị cáo đã trả 3.000.000đ tiền lãi cho chị P, tại phiên tòa chị P trừ đi cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường 377.500.000 đồng; anh K yêu cầu bị cáo bồi thường 228.300.000 đồng; chị T1 yêu cầu bị cáo bồi thường 76.300.000 đồng và chị N yêu cầu bị cáo bồi thường 126.300.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của những bị hại trên.

[6]. Về vật chứng vụ án: Xử lý theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, cụ thể:

- 01 bộ quần áo dài thu giữ của bị cáo M. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị tiêu hủy, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo M, bị cáo khai dùng để phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án này, chị Lê Thị Bích P có hành vi giúp M chia sẻ, phát tán những thông tin về khả năng M đưa được người khác đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sau đó được M nhờ nhận tiền xin đi Hàn Quốc xuất khẩu lao động đối với 3 người bị hại bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị P, sau đó chị P đã đưa cho M rồi M chiếm đoạt. Nguyễn Văn T2, Nguyễn Quang T3 giúp M nhận tiền phí đi xuất khẩu lao động của các bị hại chuyển đến qua tài khoản ngân hàng. Kết quả điều tra, xác định: Khi sự việc xảy ra, chị P, anh T2 và anh T3 đều không biết được hành vi gian dối Nguyễn Văn M và không được hưởng lợi gì. Do vậy, cơ quan điều tra đã kết luận chị P, anh T2, anh T3 không phạm tội với vai trò đồng phạm.

[9]. Ngoài ra, ngày 24/11/2022 cơ quan điều tra kiểm tra, xét nghiệm nước tiểu của Nguyễn Văn M, kết quả dương tính với ma túy. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của M chưa đến mức bị xử lý hình sự nên ngày 27/5/2023 cơ quan điều tra đã lập biên bản giáo dục, nhắc nhở Nguyễn Văn M.

[10]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát và lời đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt 14 năm tù.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2022.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn M có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Bích P 377.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn M có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm Văn K 228.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn M có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T1 76.300.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn M có trách nhiệm bồi thường cho chị Võ Thị Bích N1 126.300.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Điện thoại di động (được đựng trong 01 bì niêm phong theo quy định, trên mép dán có chữ của Nguyễn Văn M cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: Điện thoại di động của Nguyễn Văn M).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ quần áo dài tạm giữ của Nguyễn Văn M (được đựng trong 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu Q, trên mép dán có chữ của Nguyễn Văn M cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bên trong có 01 bộ quần áo dài tạm giữ của Nguyễn Văn M).

(Hiện vật chứng được lưu tại kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, theo biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 23/6/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 36.252.000đ (Ba mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại Lê Thị Bích P, Phạm Văn K, vắng mặt người bị hại Võ Thị Mỹ N, Nguyễn Thị T1. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với những người có mặt, người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Điều 26 Luật thi hành án Dân sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC;
- VKSNDCC, VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhài